

quan thường xuyên hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các công trình phòng cháy, chữa cháy rừng.

Chương V

THƯỜNG, PHẠT

Điều 20. - Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc phòng cháy, chữa cháy rừng thì được khen thưởng theo chế độ của Nhà nước. Người nào tham gia phòng cháy, chữa cháy rừng mà bị thương tật, thiệt hại tính mạng hoặc tài sản thì được giải quyết theo quy định các chính sách hiện hành.

Điều 21. - Người nào vi phạm những quy định của Nghị định này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, phải bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 22.- Bộ Lâm nghiệp chịu trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện bản Quy định này đối với các cấp, các ngành trong phạm vi cả nước, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và ban hành các quy trình, quy phạm kỹ thuật phòng cháy, chữa cháy rừng, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

Các Bộ Nội vụ, Giao thông vận tải, Năng lượng, Tài chính, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Tổng cục Du lịch, Tổng cục Khí tượng thủy văn và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Lâm nghiệp chỉ đạo thực hiện bản Quy định này.

Điều 23.- Bản Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Những quy định trước đây về phòng cháy, chữa cháy rừng trái với bản Quy định này đều bãi bỏ.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHAI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 23-CP ngày 22-3-1995 về việc phát hành trái phiếu quốc tế.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thủ trưởng các ngành có liên quan,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Trái phiếu quốc tế là chứng chỉ vay nợ có mệnh giá, có thời hạn, có lãi, phát hành để vay vốn trên thị trường vốn quốc tế phục vụ nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế của Việt Nam.

Điều 2.- Trái phiếu quốc tế bao gồm 3 loại:

- Trái phiếu Chính phủ.
- Trái phiếu Ngân hàng Thương mại quốc doanh (sau đây gọi tắt là trái phiếu Ngân hàng).
- Trái phiếu doanh nghiệp Nhà nước.

Điều 3.- Trái phiếu Chính phủ do Bộ Tài chính phát hành để vay vốn nước ngoài cho đầu tư phát triển kinh tế.

Điều 4.- Trái phiếu Ngân hàng do các Ngân hàng Thương mại quốc doanh phát hành để vay vốn nước ngoài cho mở rộng tín dụng đầu tư của Ngân hàng.

Điều 5.- Trái phiếu doanh nghiệp Nhà nước do các doanh nghiệp Nhà nước phát hành để vay vốn nước ngoài cho các dự án đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất của doanh nghiệp.

Điều 6.- Các doanh nghiệp Nhà nước, Ngân hàng Thương mại quốc doanh muốn phát hành trái phiếu quốc tế phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo các quy định của pháp luật về thành lập doanh nghiệp Nhà nước.

2. Hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi liên tiếp trong 3 năm trước khi phát hành trái phiếu, tình hình tài chính lành mạnh và có triển vọng phát triển, không vi phạm pháp luật và kỷ luật tài chính, có chứng nhận của Công ty Kiểm toán độc lập.

3. Dự án đầu tư có hiệu quả được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Phương án phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ cho phép.

Điều 7.- Trái phiếu quốc tế được phát hành từng đợt theo quyết định của Chính phủ. Việc tổ chức phát hành và thanh toán trái phiếu được thực hiện theo thông lệ quốc tế.

Điều 8.- Cơ quan tổ chức phát hành trái phiếu có trách nhiệm thanh toán đúng hạn, đầy đủ cả gốc, lãi trái phiếu và các chi phí phát hành, thanh toán trái phiếu có liên quan.

Điều 9.- Nguồn vốn vay từ việc phát hành trái phiếu Chính phủ được sử dụng để đầu tư phát triển theo kế hoạch ngân sách Nhà nước đã được phê duyệt, hoặc cho các doanh nghiệp Nhà nước vay lại để đầu tư vào các dự án được duyệt theo phương thức có hoàn trả.

Nguồn vốn thanh toán trái phiếu Chính phủ (bao gồm cả tiền gốc, lãi) do ngân sách Nhà nước bảo đảm và vốn thu hồi của các doanh nghiệp.

Điều 10.- Nguồn vốn vay từ việc phát hành trái phiếu Ngân hàng được sử dụng để mở rộng tín dụng đầu tư trung và dài hạn của Ngân hàng.

Nguồn vốn thanh toán trái phiếu Ngân hàng (bao gồm cả tiền gốc, lãi) do Ngân hàng Thương mại quốc doanh tự bảo đảm.

Điều 11.- Nguồn vốn vay từ việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp Nhà nước chỉ được sử dụng để đầu tư cho các dự án của doanh nghiệp đã được duyệt.

Nguồn vốn thanh toán trái phiếu doanh nghiệp Nhà nước (bao gồm cả tiền gốc, lãi) do doanh nghiệp Nhà nước tự bảo đảm từ các nguồn thu do dự án mang lại sau khi đã nộp thuế cho Nhà nước theo luật định và các nguồn vốn hợp pháp khác của doanh nghiệp Nhà nước.

Điều 12.- Bộ Tài chính có nhiệm vụ:

- Lập kế hoạch và các phương án phát hành trái phiếu Chính phủ ra thị trường vốn quốc tế trình Chính phủ quyết định.

- Lựa chọn và ký kết hợp đồng với các đối tác nước ngoài có liên quan đến việc phát hành trái phiếu Chính phủ sau khi Chính phủ đồng ý.

- Tổ chức phát hành và thanh toán trái phiếu Chính phủ theo đúng thông lệ quốc tế và phù hợp với luật pháp Việt Nam.

- Cùng với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước lập kế hoạch sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ để trình Chính phủ quyết định.

- Quản lý việc sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả vốn vay trái phiếu Chính phủ. Bố trí kế hoạch và thực hiện thanh toán vốn vay đúng hạn cả gốc, lãi và các khoản chi phí có liên quan đến phát hành và thanh toán trái phiếu Chính phủ.

- Xem xét và thẩm định phương án phát hành trái phiếu của các doanh nghiệp Nhà nước trình Chính phủ quyết định; phối hợp với Ngân hàng Nhà nước xem xét và thẩm định phương án phát hành trái phiếu của Ngân hàng Thương mại quốc doanh trước khi Ngân hàng Nhà nước trình Chính phủ quyết định.

- Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát các doanh nghiệp Nhà nước trong việc xác định hệ số tín nhiệm, tổ chức phát hành, sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả và khả năng thu hồi vốn để thanh toán trái phiếu.

Điều 13.- Cơ quan quản lý Nhà nước trực tiếp của doanh nghiệp Nhà nước phát hành trái phiếu có nhiệm vụ:

- Thẩm tra, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định dự án đầu tư sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Có ý kiến về phương án phát hành trái phiếu của doanh nghiệp Nhà nước gửi Bộ Tài chính thẩm định để trình Chính phủ quyết định.

- Kiểm tra, giám sát việc phát hành, việc sử dụng vốn, bảo đảm đúng mục đích, có hiệu quả và khả năng thu hồi vốn để thanh toán trái phiếu đến hạn.

Điều 14.- Ngân hàng Nhà nước có nhiệm vụ:

- Thẩm tra, quyết định dự án mở rộng hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng Thương mại quốc doanh.

- Thẩm định phương án phát hành trái phiếu của các Ngân hàng Thương mại quốc doanh trình Chính phủ quyết định.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các Ngân hàng Thương mại trong việc tổ chức phát hành, sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả và khả năng thu hồi vốn để thanh toán trái phiếu.

Điều 15.- Bộ Tài chính, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan quản lý Nhà nước trực tiếp của các doanh nghiệp Nhà nước trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, thực hiện việc quản lý phát hành và sử dụng có hiệu quả các loại trái phiếu trên đây.

Điều 16.- Nghị định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Điều 17.- Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHAI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 24-CP ngày 24-3-1995 về thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị quyết số 38-CP ngày 4-5-1994 của Chính phủ về cải cách một bước thủ tục hành chính trong việc giải quyết công việc của công dân và tổ chức;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

THỦ TỤC XUẤT CẢNH

Điều 1.-

1. Thủ tướng Chính phủ xét, quyết định xuất cảnh đối với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi tắt là Thủ trưởng cấp Bộ và tỉnh);

2. Thủ trưởng cấp Bộ và tỉnh xét, quyết định xuất cảnh đối với:

- Công chức, viên chức và những người thuộc biên chế cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước cấp thấp hơn quy định tại Khoản 1 Điều này (bao

gồm cả những người được cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước cử sang làm việc tại các tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh, xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và tổ chức của nước ngoài tại Việt Nam);

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc các doanh nghiệp ngoài quốc doanh (bao gồm cả công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có các doanh nghiệp Nhà nước góp vốn) do Thủ trưởng cấp Bộ và tỉnh quyết định hoặc cho phép thành lập.

Thủ trưởng cấp Bộ và tỉnh có thể phân cấp cho Thủ trưởng các cơ quan sự nghiệp (Tổng cục hoặc Cục quản lý chuyên ngành thuộc Bộ, Viện Nghiên cứu khoa học, Học viện hoặc Trường Đại học có quy mô quốc gia...), Giám đốc các Sở trực thuộc tỉnh, Tổng Giám đốc các doanh nghiệp Nhà nước có quy mô quốc gia và thường xuyên có các quan hệ quốc tế, được quyền quyết định và chịu trách nhiệm đối với công chức, viên chức, nhân viên thuộc quyền quản lý của họ (cả về nhân sự và chuyên môn, nghiệp vụ) đi nước ngoài để thực hiện các thỏa thuận hoặc hợp đồng ký kết với nước ngoài về hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học, công nghệ, đào tạo, lao động, chuyên gia v.v... mà Bộ và tỉnh đã cho phép ký hoặc đã phê duyệt việc ký kết đó.

Việc phân cấp nói trên Thủ trưởng cấp Bộ và tỉnh phải có văn bản giới thiệu chữ ký, con dấu và quy định rõ phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của người được ủy quyền với Bộ Ngoại giao và Bộ Nội vụ;

3. Thẩm quyền xét, quyết định xuất cảnh đối với công chức, viên chức, nhân viên thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan Đảng, đoàn thể nhân dân cấp Trung ương (Mặt trận Tổ quốc, Tổng Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cộng sản, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân) thực hiện theo quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng;

4. Bộ trưởng Bộ Nội vụ xét, quyết định xuất cảnh đối với công dân Việt Nam không thuộc diện quy định tại các Khoản 1, 2, 3 nói trên, như:

- Công dân xin đi học, chữa bệnh, du lịch, lao động, thăm thân nhân ở nước ngoài (trừ những trường hợp vợ/chồng, con dưới 16 tuổi xin đi thăm thân nhân là công chức, viên chức, nhân viên Cơ quan Đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài) hoặc xin đi nước ngoài vì các mục đích cá nhân khác;

- Hội viên của các tổ chức xã hội, hội nghề nghiệp (ngoài các đoàn thể nhân dân cấp Trung ương) được tổ chức mình cử đi công tác nước ngoài;